

đất, máu từ cổ phun lên thành vòi” [3, tr.78]. Đoạn văn được kể với nhịp nhanh, dồn nén, tập trung vào chuỗi hành động mạnh như “thúc quân”, “xông thẳng”, “phi vào”, “quát vang”, “vung guom”. Qua đó, người kể không chỉ tái hiện không khí khốc liệt của chiến trận mà còn làm nổi bật tư thế chủ động, bản lĩnh chỉ huy và tinh thần quyết đoán của Trần Thủ Độ. Người kể chuyện đồng tái hiện hình ảnh vị thái sư sẵn sàng gánh vác giang sơn, trở thành chỗ dựa vững chắc cho vương triều trong những thời điểm nguy nan. Không chỉ được khắc họa trong chiến trận, Trần Thủ Độ còn hiện lên là một chính trị gia có bản lĩnh và tầm nhìn. Trong bối cảnh rối ren của nhà Lý (năm Kiến Gia thứ 13 – 1223), tình hình chính trị - xã hội vô cùng phức tạp. Bên ngoài, hai sứ quân Hoài Đạo Vương Nguyễn Nộn và Hoàng Chương Hầu Đoàn Thượng đều nuôi tham vọng soán đoạt, trong khi bên trong triều đình lại hoang mang, dao động. Trước tình thế ấy, Trần Thủ Độ vẫn giữ được sự bình tĩnh, kịp thời đưa ra những quyết sách sáng suốt để ổn định triều chính và định hướng chiến lược cho công cuộc kháng chiến. Lời khẳng định: “Điểm binh không phải là thượng sách bởi việc này tổn hao đến trăm họ” đã thể hiện rõ quan điểm quân sự giàu tính nhân văn của ông [3, tr.117]. Bên cạnh đó, điểm nhìn toàn tri còn khắc họa khả năng nắm bắt thời cơ và giữ vững trật tự xã hội của Trần Thủ Độ. Sau cái chết của Nguyễn Nộn, ông lập tức đưa quân phủ dụ dân chúng, ổn định triều chính: “Trần Thủ Độ thì kéo một đoàn quân lớn sang phủ dụ dân chúng, sắp xếp quan quyền cai trị như cũ. Rồi tiện đường đi kinh lý một vòng từ Lạng Châu, Bắc Giang về Quảng Yên, Hải Đông, Hồng Châu, Sơn Nam Hạ... Đến đâu cũng khuyên bảo dân chúng an nghiệp làm ăn và cất đặt lại quan quyền trị nhậm. Chỗ nào ngang bướng không thần phục thì huy động quân đánh dẹp ngay” [3, tr.124-125]. Chi tiết này cho thấy Trần Thủ Độ biết võ về, ổn định dân chúng, nhưng cũng rất cứng rắn với những nơi chống đối. Đặc biệt, trong cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ nhất, điểm nhìn toàn tri nhấn mạnh tầm nhìn xa, ý thức tự chủ dân tộc và tinh thần chính nghĩa của Trần Thủ Độ. Câu nói “Chúng ta là một nước văn hiến. Có đạo, có thì thư lễ nghĩa. Không lý gì phải làm tôi đòi cho bọn dã man hung bạo mọi rợ kia...” [3, tr.197], không chỉ thể hiện thái độ cứng rắn trước kẻ thù, mà còn cho thấy ý thức tự chủ dân tộc rất rõ. Đồng thời, điểm nhìn toàn tri cũng khắc họa sự chủ động của Trần Thủ Độ trong việc xây dựng lực lượng kế thừa, tiêu biểu là khi ông trao quyền chương môn phái võ Đông A cho Trần Quốc Tuấn: “Ta là Thượng phụ Quốc công của nước, là Chương môn phái võ Đông A được chân truyền... Nay ta thấy Trần Quốc Tuấn tuổi trẻ tài cao, một lòng trung thành phụng sự Quan gia và muôn dân trăm họ. Ta truyền lại chức Chương môn cho Tuấn” [3, tr.197]. Dưới cái nhìn bao quát của người kể, đây không chỉ là một nghi lễ trao quyền, mà còn là sự lựa chọn có ý nghĩa chiến lược. Trần Thủ Độ không chỉ giải quyết những biến động của hiện tại, mà còn chuẩn bị người kế tục đủ tài năng, bản lĩnh và lòng trung thành để gánh vác việc nước. Trong những thời khắc hiểm nguy nhất, điểm nhìn toàn tri càng nhấn mạnh khí phách kiên cường của Trần Thủ

Độ. Câu nói: “ĐẦU THẦN CHƯA RƠI XUỐNG ĐẤT, BỆ HẠ ĐỪNG LO GÌ KHÁC!” không chỉ trấn an quân vương, mà còn trở thành một tuyên ngôn chính trị - quân sự, biểu tượng cho tinh thần quyết tử vì xã tắc [3, tr.205]. Người kể chuyện toàn tri đã đặt câu nói ấy trong tình huống lịch sử đầy căng thẳng, qua đó khắc họa khí phách kiên cường, bản lĩnh chính trị và tinh thần trách nhiệm của Trần Thủ Độ trước vận mệnh đất nước.

Ở một phương diện khác, điểm nhìn toàn tri còn góp phần tái hiện Trần Thủ Độ như một chính trị gia kiến tạo trật tự chính trị cho vương triều mới. Điều đó được thể hiện qua cách ông cùng Phùng Tá Chu chủ trương “không tiêu hao binh lực” mà dựa vào chính sách phân hóa và thu phục đối thủ, minh chứng qua lời dặn dò: “Ông nên thân sang hương Phù Đổng gặp Nguyễn Nộn, mang theo chiếu chỉ của vua... Còn tôi sẽ xuống Hồng Châu gặp Đoàn Thượng...” [3, tr.117]. Những tính toán thấu đáo đó cho thấy Trần Thủ Độ hiểu rõ cục diện, nắm vững tâm lý đối phương và biết tận dụng thời cơ. Trong quá trình xử lý Nguyễn Nộn, Trần Thủ Độ vận dụng chiến lược linh hoạt: khi thì hứa hẹn quyền lợi, khi lại dùng liên minh hôn nhân để thuyết phục, đồng thời củng cố lòng tin bằng các bảo chứng cụ thể: “Ông nên vì triều đình mà lập công, xử trí kẻ bất tín này. Xong việc tôi sẽ xin phong cho ông tước Đại vương, kiêm quản cả Hải Đông, Hồng Châu” [3, tr.118]. Khi Nộn thắng Thượng nhưng qua đời vì bệnh, Trần Thủ Độ nhanh chóng nắm lấy cơ hội, tổ chức quân quân đội, sắp xếp lại bộ máy cai trị từ Bắc Giang, Lạng Châu đến Hải Đông, Hồng Châu, Sơn Nam Hạ. Chuỗi hành động này phản ánh khả năng điều hòa xung đột, thu tóm quyền lực, đồng thời cho thấy sự kết hợp nhịp nhàng giữa chính trị, quân sự và ngoại giao trong tư duy của ông. Một trong những minh chứng điển hình cho tài năng chính trị của Trần Thủ Độ là việc sắp đặt hôn lễ giữa Lý Chiêu Hoàng và Trần Cảnh, quyết định bước ngoặt đưa nhà Trần lên ngôi. Khi chứng kiến nữ hoàng đùa nghịch với Trần Cảnh, Trần Thủ Độ lập tức “mang hết họ hàng gia tộc thân thích vào cung cấm, đóng chặt các cửa thành... đồng đạc tuyên bố: ‘Bệ hạ đã có chồng rồi’” [3, tr.150], đồng thời viện dẫn lý do chính trị để thuyết phục triều thần về tính chính thống của việc thay đổi triều đại: “Nhà Lý suy yếu, thế nước nghiêng nguy... Chiêu Hoàng phạm nữ nhi tuổi trẻ không gánh vác nổi, mới ủy thác cho Nhị Lang. Nhà Trần ta nối ngôi quốc thống” [3, tr.151]. Tiếp theo, Trần Thủ Độ trực tiếp thao túng các mối hôn nhân trong nội tộc: ông sai “Thái úy Phụ chính Trần Liễu gặp riêng con gái Thuận Thiên nói chuyện” [3, tr.175], buộc Trần Liễu phải “đem Thuận Thiên đang có mang con trai ba tháng vào cung, thế cho Chiêu Thánh làm Hoàng hậu” [3, tr.179],... Những hành động ấy cho thấy Trần Thủ Độ tính toán rất kỹ trong việc giữ quyền lực cho dòng họ Trần. Ông dùng hôn nhân như một cách để củng cố ngôi vị, bảo đảm người kế tục và giữ sự ổn định của triều đại.

Điểm nhìn toàn tri cũng cho thấy tài năng ngoại giao của Trần Thủ Độ. Trong quan hệ với các thế lực bên ngoài, ông không chỉ dựa vào sức mạnh vũ lực mà còn khéo léo

kết hợp chính trị, kinh tế và hôn nhân để đạt được mục tiêu. Trong cuộc thương thuyết trực tiếp với Nguyễn Nộn, ông vận dụng linh hoạt chiến thuật thuyết phục, vừa khích lệ tinh thần lập công, vừa hứa hẹn quyền lực: “Ông nên vì triều đình mà lập công... Xong việc tôi sẽ xin phong cho ông tước Đại vương, kiêm quản cả Hải Đông, Hồng Châu” [3, tr.118]. Khi Nộn tỏ ra nghi ngờ, Thủ Độ lập tức củng cố lòng tin bằng những bảo chứng cụ thể: “Công chúa Ngoạn Thiềm tiến gả, lụa vàng châu báu mấy thuyền, sắc phong Hoài Đạo vương vua ban...” [3, tr.118]. Qua đó, sách lược ngoại giao mà ông sử dụng không chỉ đơn thuần dựa vào sức mạnh vũ lực, mà còn là sự tổng hòa của lợi ích vật chất, uy thế chính trị và quan hệ hôn nhân, tạo nên một giải pháp toàn diện để thu phục nhân tâm và xoay chuyển cục diện. Người kể chuyện toàn tri đã tái hiện tiến trình ngoại giao này một cách khách quan, qua đó làm nổi bật sự quyết đoán và bản lĩnh của Trần Thủ Độ.

Tóm lại, việc lựa chọn điểm nhìn toàn tri trong tiểu thuyết *Trần Thủ Độ* đã giúp Trần Thanh Cảnh tái hiện nhân vật trung tâm với tầm vóc lịch sử toàn diện. Nhờ vị thế “biết hết” của người kể chuyện, tác phẩm không chỉ khắc họa tài năng quân sự, bản lĩnh chính trị và nghệ thuật ngoại giao khôn khéo của Trần Thủ Độ, mà còn đặt nhân vật vào mối liên hệ mật thiết với vận mệnh quốc gia trong giai đoạn đầy biến động.

## 2.2. Điểm nhìn hạn tri

Trong tiến trình đổi mới nghệ thuật tự sự của văn học Việt Nam đương đại, điểm nhìn hạn tri trở thành một chiến lược quan trọng nhằm khai thác chiều sâu nội tâm nhân vật và tái định hình cách tiếp cận lịch sử từ phía chủ thể – người trong cuộc. Trong *Trần Thủ Độ*, người kể chuyện vẫn chủ yếu kể ở ngôi thứ ba, nhưng ở nhiều đoạn đã lùi lại ở phía sau, để sự kiện hiện lên qua cái nhìn, tâm trạng và cách lí giải của nhân vật trung tâm. Qua điểm nhìn này, nhân vật bộc lộ suy nghĩ và xúc cảm đời thường, hiện lên gần gũi, sống động. Nhờ đó, Trần Thanh Cảnh có thể khắc họa Trần Thủ Độ với những giằng xé nội tâm, đồng thời mở ra khả năng đối thoại đa chiều nơi người đọc.

Trước hết, điểm nhìn hạn tri được thể hiện rõ nét qua cách Trần Thủ Độ tự sự về mối tình với Trần Nhị Nương. Tình yêu ấy hiện lên qua các chi tiết giàu sức gợi: “Họ ôm nhau tự tình trong lòng con thuyền nhỏ, dập dềnh dưới tán lá sen thơm mát... Nhị Nương áp nhẹ bông hoa vào má và mỉm cười nhìn Thủ Độ. Độ ngậy người mê man” [5, tr.46], hay “hơi ẩm nồng nàn từ bàn tay mềm mại trắng hồng của Trần Nhị Nương truyền sang như một tia chớp...” [5, tr.139–140]. Những chi tiết này không chỉ dựng lên khung cảnh tình yêu, mà còn cho thấy cảm giác say mê của Thủ Độ. Cảnh vật được nhìn qua tâm trạng nhân vật nên trở nên mềm mại, tha thiết và có sức gợi.. Khi Nhị Nương bị ép gả cho Lý Hạo Sâm, bi kịch tình cảm đã đẩy Thủ Độ vào trạng thái dằn vặt, đau khổ: “uất ức, không nói lên lời, ngồi nốc rượu liên tục rót uống như uống cho hả tức”, “Ai chủ trương gả Nhị Nương cho Hạo Sâm?” [3, tr.71]. Cao trào cảm xúc dồn nén trong phát ngôn: “Đệ không

biết! Nhưng đệ không thể quên Nhị Nương! Kiểu gì đệ cũng cướp lại Nhị Nương về mình...” [3, tr.75]. Qua đó, nhân vật hiện lên không chỉ là con người đang chịu tổn thương trong tình yêu, mà còn là một cá tính mạnh mẽ, ngang tàng, không dễ khuất phục trước hoàn cảnh. Đặc biệt, độc thoại nội tâm trở thành phương tiện quan trọng để nhân vật tự nhận thức và lý giải lựa chọn của mình. Đặc biệt, qua dòng độc thoại: " phải sống. Sống trọn một kiếp anh hùng của trai thời loạn... Sẽ giành lại người đẹp. Bất kể thế nào cũng dành lại người đẹp! Giang sơn và người đẹp!" [3, tr.104], nhân vật tự bộc lộ sự giằng co giữa tình yêu cá nhân và khát vọng lập thân. Vì thế, điểm nhìn bên trong không chỉ làm nổi bật bi kịch tình cảm của Trần Thủ Độ, mà còn góp phần lý giải sự hình thành một tính cách quyết liệt, đầy tham vọng và mang ý thức sâu sắc về vị thế của mình trong thời loạn.

Không dừng lại ở phương diện tình cảm, điểm nhìn hạn tri còn bộc lộ hiệu quả khi nhà văn đặt nhân vật vào những lựa chọn chính trị khốc liệt. Các sử gia phong kiến từng phê phán gay gắt hành động Trần Thủ Độ mưu trừ Lý Huệ Tông, coi đó là “thất đức”: “Đã lấy nước của người ta, lại giết vua người ta, thật bất nhân quá lắm” (*Đại Việt sử ký toàn thư*). Nhưng trong *Trần Thủ Độ*, sự kiện này được nhìn từ trải nghiệm chủ quan của chính nhân vật. Việc phế bỏ nhà Lý vừa gắn với tham vọng của họ Trần, vừa được nhân vật xem như một lựa chọn khó tránh khỏi trong tình thế đất nước rối ren. Cách kể này không nhằm minh oan cho Trần Thủ Độ, mà làm rõ cách nhân vật nhìn lại việc mình làm.. Điều này được thể hiện qua lời tự sự: “Ta vốn là võ tướng quen cầm gươm xông ra trận tiền chứ không ham chuyện sách sử chữ nghĩa. Thế nhưng ta cũng biết trời đất luôn có vận, con người có số. Hơn chục năm cầm quân dẹp giặc cướp khắp đất Đại Việt, ta đã nhận ra vận số nhà Lý của người đã hết từ lâu” [3, tr.154]. Phát ngôn ấy cho thấy Trần Thủ Độ nhìn thời cuộc bằng kinh nghiệm của một võ tướng từng trải. Ông đã chứng kiến loạn lạc, đã thấy sự suy yếu của nhà Lý, nên tin rằng sự thay đổi của triều đại là điều khó tránh. Bên cạnh đó, sự kiện ông buộc Trần Liễu nhường vợ cho Trần Cảnh để giữ đại cuộc cũng được bộc lộ trực tiếp qua phát ngôn: “Ta chi là con chó săn thôi” [3, tr.189]. Câu nói này cho thấy ý thức cay đắng của Trần Thủ Độ về vai trò của mình trong quyền lực. Ông biết mình phải thực hiện những quyết định tàn nhẫn để giữ cơ nghiệp triều Trần. Cách tự ví mình như “con chó săn” cho thấy nhân vật vừa chấp nhận vai trò ấy, vừa cảm nhận rõ sự khắc nghiệt của nó.

Trong quan hệ với các nhân vật khác, điểm nhìn hạn tri cho phép người đọc nhận thấy rõ cách nhìn, cách nghĩ và cách đánh giá của Trần Thủ Độ. Khi dạy dỗ vua trẻ Trần Cảnh, ông nghiêm khắc nhưng đồng thời cũng đầy trìu mến: “Cháu ta ơi! Nước nhà mà có những kẻ bê tôi dám can vua... thì đây là hồng phúc” [3, tr.168]. Lời nói ấy cho thấy Trần Thủ Độ không chỉ nhìn Trần Cảnh như một vị vua trẻ cần được rèn giũa, mà còn là một người cháu, một người gắn với tương lai của dòng họ và vận mệnh vương triều. Khi

hồi tưởng về Trần Cảnh, ông bộc lộ niềm tự hào trước sự trưởng thành của cháu: “nay đã là một đấng quân vương sáng rõ, tinh thông chữ nghĩa văn thơ lâu lâu, võ nghệ cao cường đánh đông dẹp bắc” [3, tr.173]. Trong khi đó, khi nhắc đến Trần Quốc Tuấn, Trần Thủ Độ nhìn ông bằng cái nhìn lý tưởng hóa: “Quốc sư Phù Vân chẳng đã nói Quốc Tuấn chính là Thanh tiên đồng từ trên trời thác sinh xuống...” [3, tr.195]. Ở đây, Trần Quốc Tuấn không chỉ hiện lên qua lời kể khách quan của người trần thuật, mà còn qua cái nhìn có phần lí tưởng hóa của Trần Thủ Độ. Trong mắt ông, Quốc Tuấn không chỉ là người trong tôn thất, mà còn là nhân vật có thể gánh vác vận mệnh lớn của vương triều. Như vậy, điểm nhìn hạn tri đã giúp làm rõ cách Trần Thủ Độ nhìn nhận những người xung quanh: vừa bằng con mắt chính trị của người cầm quyền, vừa bằng tình cảm, niềm tin và sự kì vọng của một người luôn lo nghĩ cho cơ nghiệp nhà Trần.

Sự lựa chọn điểm nhìn hạn tri ở những đoạn then chốt giúp Trần Thủ Độ hiện lên không chỉ là một nhân vật lịch sử, mà còn như một con người đang tự đối diện với những việc mình đã làm. Việc ông được phong làm Quốc Thượng Phụ “nắm giữ mọi việc cai trị trong nước”, được chính nhân vật lý giải: “Họ Trần nhà ta một lòng vì muôn dân vì chính nghĩa mà đứng lên dẹp loạn...” [3, tr.156]. Lời nói ấy cho thấy Trần Thủ Độ luôn muốn đặt hành động của mình trong quan hệ với đại cuộc. Ông tin họ Trần đứng lên để dẹp loạn, giữ yên đất nước. Tuy nhiên, việc phải tự giải thích cũng cho thấy nhân vật không hoàn toàn thanh thản. Ông hiểu rằng những việc mình làm có thể bị nghi ngờ, thậm chí bị hậu thế kết tội. Đặc biệt, lời tự sự cuối cùng: “kẻ thức giả hậu sinh của nước Việt thời nay có hiểu lòng ta không? Hả? Hả? Hả...” [3, tr.221]. Câu hỏi ấy không khép lại hình tượng Trần Thủ Độ bằng một lời phán xét rõ ràng, mà để lại một khoảng trống cho người đọc suy ngẫm. Qua điểm nhìn hạn tri, Trần Thủ Độ hiện lên trong trạng thái nhiều mâu thuẫn: quyết liệt trong hành động, cứng rắn trong việc giữ quyền lực, nhưng vẫn mang nặng nỗi băn khoăn trước sự phán xét của hậu thế.

Tóm lại, việc vận dụng điểm nhìn hạn tri trong *Trần Thủ Độ* đã giúp Trần Thanh Cảnh đưa lịch sử vào chiều sâu nội tâm của nhân vật, nơi tình yêu, khát vọng, trách nhiệm và nỗi đau đan xen phức tạp. Nhờ đó, Trần Thủ Độ không còn là biểu tượng quyền lực khô cứng mà trở thành một cá nhân sống động, đa diện và đầy giằng xé. Đồng thời, lịch sử trong tiểu thuyết cũng không hiện lên như một chân lý bất biến, mà như một tiến trình mở, được cảm nhận, biện minh và tái kiến tạo từ trải nghiệm chủ quan của nhân vật.

### **2.3. Sự dịch chuyển, đan xen nhiều điểm nhìn**

Trong nhiều tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau 1986, khi xây dựng hình tượng nhân vật anh hùng, các nhà văn thường chú ý vận dụng linh hoạt điểm nhìn trần thuật. Điểm nhìn không cố định mà liên tục dịch chuyển giữa khách quan và chủ quan, giữa người kể chuyện và nhân vật. Sự luân chuyển và đan xen điểm nhìn giúp tác phẩm tái hiện lịch sử

đa chiều, sinh động và giàu tính đối thoại. Tiểu thuyết *Trần Thủ Độ* của Trần Thanh Cảnh là một trường hợp tiêu biểu, khi tác giả vận dụng linh hoạt nhiều điểm nhìn trần thuật để khắc họa nhân vật trung tâm vừa mang vóc dáng sử thi của người dựng nghiệp lớn, vừa mang tâm lý, tình cách của con người đời thường.

Mở đầu của tác phẩm, nhân vật xưng “tôi” bắt đầu hành trình tìm về lịch sử. Việc lựa chọn ngôi kể này cho thấy sự nhập cuộc của người viết, đồng thời thể hiện sự tự ý thức về vai trò và giới hạn của mình trong câu chuyện. Người kể chuyện không đứng ngoài với vị thế toàn tri, mà lựa chọn cách tiếp cận gần gũi, dần thân vào đời sống nhân vật. Qua đó, nhà văn bộc lộ khát vọng được tìm hiểu, được tri ngộ và sẽ chia với con người trong dòng chảy lịch sử. Trong một quán cà phê, qua cuộc trò chuyện với giáo sư Đoàn Lê Giang và cô giáo Trúc Linh, cuốn sách cũ và tập giấy A4 trở thành điểm khởi phát cho cuộc ngược dòng ký ức. Nhân vật “tôi” đã cảm nhận “những con chữ trong đó như nhảy nhót, múa may chực bứt ra khỏi trang giấy... cuốn sách cũ mà tưởng như đang được điện kiến các bậc tiền nhân” [3, tr.16], qua đó phản ánh sự say mê, niềm tự hào và lòng kính ngưỡng của người kể trước lịch sử dân tộc. Nhờ vậy, câu chuyện không chỉ kể về Trần Thủ Độ mà còn là hành trình của chính người viết trong mối quan hệ với lịch sử. Điểm nhìn cá nhân mở ra khả năng đối thoại, giúp độc giả tiếp cận lịch sử như một trải nghiệm sống động, không bị chi phối bởi một giọng kể áp đặt.

Để tái hiện những biến cố trọng đại cũng như khắc họa nhân vật ở tầm vóc lớn lao, tác phẩm vận dụng điểm nhìn toàn tri, nhờ đó người kể có cái nhìn bao quát về lịch sử và thời cuộc. Trước hết, điểm nhìn này giúp phác họa Trần Thủ Độ với dáng vẻ phi thường: “Thủ Độ năm đó mười sáu tuổi... Những cơ bắp của một người trai chăm tập luyện võ thuật nổi lên cuồn cuộn dưới lần áo mỏng” [3, tr.43–44]. Nhưng ngay sau đó lập tức chuyển sang điểm nhìn hạn tri để tái hiện con người “bên trong” của vị thái sư mạnh mẽ, quyết đoán. Hóa ra, ông cũng “biết khóc”, biết “nghe ngào”, trái tim ấy cũng mềm yếu như bất cứ ai khi chạm đến nỗi đau cá thể: “...uất ức, không nói nên lời” [3, tr.71]; ngay sau đó, giọng kể bám sát hành động bột phát của nhân vật: “Độ nhảy xuống một chiếc thuyền nhỏ định chèo thẳng trong đêm về Hải Ấp để gặp Trần Nhị Nương cho ra lẽ...” [3, tr.71]. Chính sự đan xen linh hoạt giữa điểm nhìn toàn tri và hạn tri đã góp phần kiến tạo hình tượng Trần Thủ Độ đa chiều, vừa mang tầm vóc lịch sử, vừa bộc lộ chiều sâu nội tâm. Nhờ đó, nhân vật hiện lên không chỉ như biểu tượng quyền lực trong sử sách mà còn như một cá thể sống động, có tình cảm, khát vọng và cả những bi kịch riêng.

Bằng việc trao điểm nhìn cho nhiều nhân vật khác nhau, nhà văn làm rõ tính đa diện của hình tượng Trần Thủ Độ, đồng thời đưa đến một cấu trúc trần thuật giàu tính đối thoại. Trong con mắt Lý Huệ Tông, Trần Thủ Độ hiện lên như “tên bạo chúa” đã “cướp nước”, “cướp vợ”, và “nay ... lại muốn giết” vua [3, tr.155]. Lời thoại này cho thấy sự

phần nô tột cùng, cùng sự phản kháng bất lực của một vị quân vương đã mất hết quyền lực. Từ điểm nhìn của Trần Liễu, nhân vật lại được nhận diện như nguồn cơn bi kịch gia tộc: “Liễu cũng quá rõ tính ông chú hổ báo của mình. Đã nói là làm. Đã làm là làm tới nơi tới chốn, đập bằng mọi trở ngại không một chút e dè khoan nhượng,... còn điều gì không dám làm nữa đây” [3, tr.179-180]. Trái lại, trong mắt Trần Nhị Nương, ông là một người đàn ông lý tưởng với vóc dáng mạnh mẽ “cao lớn, cơ bắp cuộn cuộn... rục rỡ, đẹp đẽ, mạnh mẽ nhất” [3, tr.139]. Ở một bình diện khác, từ điểm nhìn của Trần Thừa, Trần Thủ Độ lại được khẳng định ở vị thế chính danh tuyệt đối: “Mọi việc lớn can hệ đến quốc gia xã tắc nhất nhất phải hỏi và làm theo sự sắp xếp của Thái sư” [3, tr.171],... Việc đặt các điểm nhìn cạnh nhau và bổ sung cho nhau giúp làm rõ tính đa diện và phức tạp trong hình tượng Trần Thủ Độ.

Phần kết thúc của tiểu thuyết đánh dấu sự trở lại của ngôi kể thứ nhất, đưa người đọc cùng “chúng tôi” vào hành trình trải nghiệm tại Thung Mây. Trong màn sương huyền ảo cùng mùi trầm ngát, người kể và bạn đồng hành bước vào một cuộc chiêm nghiệm tinh thần: “Ba chúng tôi đi theo Thiên sư ra rừng... Có lẽ nào đây chính là Thung Mây và tảng đá huyền thoại Phật Linh Thạch, mà các vị vương tổ nhà Trần đã ngồi thiền xa xưa” [3, tr.218]. Điểm nhìn ngôi kể thứ nhất, gắn với tri giác chủ quan, đã tạo nên bầu không khí linh thiêng, mở đầu cho sự chuyển hóa hình tượng Trần Thủ Độ từ nhân vật lịch sử sang biểu tượng tinh thần. Sự dịch chuyển điểm nhìn tiếp tục khi Trần Thủ Độ xuất hiện trong “đạo hào quang ngũ sắc”: “Một hình tượng thần nhân cao lớn, râu tóc bạc phơ... có ba mặt giống hệt nhau nhưng khác màu: đỏ, trắng, xanh... Có lúc lại nhập làm một” [3, tr.219]. Hình tượng kỳ ảo này khẳng định sự thiêng hóa nhân vật, nhấn mạnh tính đa diện và siêu nhiên. Ba khuôn mặt với ba màu sắc khác nhau vừa biểu trưng cho nhiều phương diện, vừa thống nhất trong một hình tượng linh thiêng, đưa Trần Thủ Độ vượt ra khỏi giới hạn của con người lịch sử để trở thành biểu tượng trong tâm thức cộng đồng. Khi nhân vật trực tiếp cất lời, điểm nhìn mở rộng từ quan sát bên ngoài sang chiều sâu nhận thức: “Ta sinh ra vào thời loạn, khi triều đình nhà Lý đã hết vận. Trong triều vua quan là một lũ vô lại chỉ biết mỗi việc đút lót mua chức mua quyền rồi tham những đục khoét của công...” [3, tr.219]. Ở đây, người đọc không chỉ chứng kiến sự xuất hiện kỳ ảo, mà còn tiếp nhận những phán xét và lý giải nguyên nhân suy tàn của triều Lý, đồng thời thấy rõ tính tất yếu của sự chuyển giao triều đại. Tiếp nối dòng trần thuật ấy, Trần Thủ Độ nhận trách nhiệm “quét dọn” tàn dư để lập lại chính danh cho triều Trần: “Đấy chính là hợp lòng dân, thuận ý trời. Đấy cũng là thiên mệnh! Vì vậy ta phải đứng ra làm người quét tước dọn dẹp đống đổ nát thối tha kia. Ta đã quét sạch, dọn hết để cho cháu ta Trần Cảnh lên làm đấng quân vương sáng láng” [3, tr.220]. Những lời này vừa mang tính biện minh, vừa cho thấy điểm nhìn gắn liền với chức năng nhận thức, lý giải tiến trình lịch sử. Cao trào của sự luân

chuyển điểm nhìn được thể hiện ở câu kết: “Chúng tôi đi trong màn sương bí hiểm ngày càng dày hơn như những kẻ mộng du. Như bay bổng bênh trong sương. Mà mãi vẫn không về tới chân núi...” [3, tr.221]. Điểm nhìn trở lại ngôi thứ nhất, nhưng không chỉ tái hiện trải nghiệm mà còn mở ra tầng nghĩa triết luận: lịch sử là miền bất khả truy nguyên, càng tìm kiếm càng trở nên xa vời, và chính sự xa cách ấy lại khơi dậy khát vọng không ngừng đọc lại, viết lại và diễn giải lại quá khứ.

Tóm lại, điểm nhìn trong *Trần Thủ Độ* được tổ chức theo một kết cấu vòng cung: mở đầu bằng ngôi kể thứ nhất, tiếp nối bằng ngôi kể thứ ba toàn tri xen lẫn hạn tri, rồi mở rộng thành nhiều điểm nhìn qua các nhân vật khác và khép lại ở ngôi thứ nhất. Cách vận dụng linh hoạt này tạo cho tác phẩm một cấu trúc trần thuật đa thanh và giàu tính đối thoại. Nhờ đó, hình tượng Trần Thủ Độ được khắc họa toàn diện, vừa là nhà chính trị - quân sự gắn với vận mệnh dân tộc, vừa là con người với những tình cảm và giằng xé riêng. Chính điều này góp phần hiện đại hóa nghệ thuật viết tiểu thuyết lịch sử, đưa Trần Thủ Độ từ biểu tượng quyền lực trong sử sách trở thành một hình tượng nghệ thuật sống động, gần gũi với độc giả hôm nay.

### 3. KẾT LUẬN

Bằng việc tổ chức điểm nhìn trần thuật linh hoạt, tiểu thuyết *Trần Thủ Độ* của Trần Thanh Cảnh đã khắc họa thành công nhân vật lịch sử mang tầm vóc “kiến trúc sư” của vương triều Trần. Trần Thủ Độ hiện lên vừa là người trực tiếp đặt nền móng quyền lực và bảo đảm sự ổn định cho triều đại mới, vừa chất chứa những giằng xé nội tâm sâu sắc khi phải đối diện với lựa chọn liên quan đến huyết thống và quyền lực. Điểm nhìn toàn tri đặt nhân vật trong mối tương quan với bối cảnh và các nhân vật lịch sử, qua đó khắc họa chân dung một nhà chính trị - quân sự và ngoại giao thiên tài của triều Trần. Bên cạnh đó, điểm nhìn hạn tri tập trung khai thác thế giới nội tâm của nhân vật, làm rõ những suy tư, toan tính và giằng xé trong các tình huống lịch sử đặc biệt. Đặc biệt, sự luân chuyển giữa các điểm nhìn đã kiến tạo một kết cấu trần thuật đa chiều, biến *Trần Thủ Độ* từ biểu tượng lịch sử khô cứng thành một nhân vật sống động. Vì thế, điểm nhìn trong tác phẩm không chỉ là kỹ thuật tổ chức tự sự, mà còn là phương tiện thể hiện quan niệm nghệ thuật của nhà văn về lịch sử. Quá khứ trong tác phẩm không hiện lên như một thực thể bất biến, mà như một thực tại sống động, cần được nhìn nhận từ nhiều góc độ, đặc biệt là từ chiều sâu nhân bản. Chính cách tiếp cận này đã giúp tiểu thuyết *Trần Thủ Độ* trở thành một đóng góp đáng kể cho tiến trình hiện đại hóa tiểu thuyết lịch sử Việt Nam, đồng thời khẳng định vai trò trung tâm của nghệ thuật trần thuật trong việc làm mới hình tượng nhân vật lịch sử.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bakhtin, M. M (1984), *Problems of Dostoevsky's Poetics*, University of Minnesota Press.
2. Bakhtin, M. M (1992), *Lí luận và thi pháp tiểu thuyết* (Phạm Vĩnh Cư tuyển chọn, dịch và giới thiệu), Trường viết văn Nguyễn Du, Hà Nội.
3. Trần Thanh Cảnh (2020), *Trần Thủ Độ*, Nxb Phụ Nữ Việt Nam.
4. Nguyễn Thị Phương Dung (2023), *Nghệ thuật tự sự trong hai tiểu thuyết Đức Thánh Trần và Trần Thủ Độ của Trần Thanh Cảnh*, Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Genette, G (1980), *Narrative Discourse: An Essay in Method*, Cornell University Press.
6. Nguyễn Văn Hùng (2014), *Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau 1986 từ góc nhìn tự sự học*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Học viện Khoa học xã hội.
7. Ngô Sĩ Liên (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội.
8. Nguyễn Thị Thủy (2022), *Nhân vật Trần Thủ Độ trong rong hai tiểu thuyết Bão táp cung đình của Hoàng Quốc Hải và Trần Thủ Độ của Trần Thanh Cảnh*. Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Vinh.

**THE IMAGE OF TRAN THU DO IN TRAN THANH CANH'S EPONYMOUS NOVEL  
THROUGH THE LENS OF NARRATIVE PERSPECTIVE**

*Tran Thi Nhat*

**Abstract:** Grand Chancellor Tran Thu Do, who played a pivotal role in the Ly - Tran transition, has often been critically assessed in official histories. In an effort to shed light on this much-debated historical figure, writer Tran Thanh Canh devoted an entire novel to him. From the perspective of narrative point of view, this article seeks to explore the author's artistic vision of this remarkable historical character.

**Keywords:** Trần Thủ Độ, Trần Thanh Cảnh, historical novel, narrative perspective.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 18-8-2025; ngày phản biện đánh giá: 12-9-2025; ngày chấp nhận đăng: 29-9-2025)

## NHỮNG ĐA ĐOAN THẾ SỰ TRONG THƠ NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG

Nguyễn Thị Nhị<sup>1</sup>

**Tóm tắt:** Nguyễn Bình Phương là một trong những gương mặt tiêu biểu của văn học Việt Nam đương đại. Thơ ông mang vẻ đẹp bí ẩn, khó nắm bắt nhưng cũng ẩn chứa chiều sâu nhân sinh. Một trong những đặc điểm nổi bật trong sáng tác của ông chính là cái nhìn về “đa đoan thế sự”. Cảm hứng thế sự trong thơ ông không chỉ dừng lại ở việc phản ánh thực tại mà còn vươn tới một bức tranh rộng lớn về nhân tình thế thái với nhiều mảng sáng tối đan xen. Tiếp cận thơ Nguyễn Bình Phương, độc giả không chỉ đối diện với những nghịch lý, bất ổn của thời đại mà còn lắng nghe được tiếng vọng sâu thẳm của thân phận con người trước dòng chảy lịch sử. Chính cái nhìn đa diện này đã tạo nên một dấu ấn thế sự đa đoan trong thơ ông. Một thế giới vừa thực vừa hư, vừa khơi gợi những suy tư sâu sắc trong lòng người đọc.

**Từ khóa:** Nguyễn Bình Phương, thơ đương đại, đa đoan thế sự

### 1. MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh thơ ca Việt Nam đương đại, đặc biệt sau giai đoạn đổi mới, chúng ta chứng kiến sự chuyển mình sâu sắc cả về phương diện nội dung lẫn hình thức biểu đạt. Trong dòng chảy đa thanh ấy, Nguyễn Bình Phương nổi lên như một giọng thơ riêng biệt, giàu chất suy tư và giàu tính biểu tượng. Không phô trương, không vội vã, thơ ông là một hành trình đi sâu vào thế giới bên trong, khám phá những mảnh vỡ của thời đại, những đa đoan thế sự và nỗi bất an tiềm ẩn trong tâm hồn con người hiện đại.

Bên cạnh những tiểu thuyết mang đậm tính huyền ảo và suy tưởng, thơ của Nguyễn Bình Phương để lại dấu ấn sâu sắc trong lòng độc giả. Trong khi nhiều nhà thơ đương thời lựa chọn cách tiếp cận hiện thực theo lối trực diện hoặc lãng mạn hoá cái tôi thì Nguyễn Bình Phương lặng lẽ kiến tạo một thế giới thơ ca đầy những hình ảnh siêu thực, những giấc mộng huyền hoặc và những dự cảm ám ảnh. Ẩn sau ngôn ngữ giàu chất tượng trưng và những tầng nghĩa phức tạp là một thế giới ngôn ngữ suy tư về con người và thời đại. Ở đó, hiện thực không phải bức tranh rõ nét mà là một mê cung cảm xúc và kí ức, nơi những đa đoan thế sự – tức là những xáo trộn, bất an, khủng hoảng giá trị của thời đại và con người trở thành những ám ảnh thường trực.

Chính trong cái nhìn đa đoan ấy, thơ Nguyễn Bình Phương chạm đến những câu hỏi muôn thuở của văn học và nhân sinh: Con người là ai giữa dòng chảy lịch sử? Có thể níu giữ điều gì trong thế giới đầy bất trắc? Sự sống, cái chết, đau khổ, tội lỗi phải chăng là

<sup>1</sup> Học viên Cao học, Trường ĐHSP Hà Nội 2

định mệnh hoặc sự lựa chọn? Không đưa ra những câu trả lời dứt khoát, thơ ông tạo ra những khoảng trống, nơi người đọc được mời gọi tham gia vào quá trình chiêm nghiệm và đồng sáng tạo ý nghĩa.

Dưới góc nhìn hiện sinh kết hợp sử dụng phương pháp phân tích – tổng hợp, bài viết tập trung phân tích biểu hiện của những đa đoan thể sự trong thơ Nguyễn Bình Phương. Chúng tôi chọn phân tích trên các tập thơ tiêu biểu của ông: *Lam chướng* (1992), *Khách của trần gian* (1996), *Xa thân* (1997), *Từ chết sang trời biếc*, (2001), *Buổi câu hò hững* (2011), *Xa xăm gõ cửa* (2015). Đây là những chặng đường sáng tác đánh dấu những bước chuyển mình trong tư duy nghệ thuật của nhà thơ, đồng thời ẩn chứa chiều sâu của suy tư về thời đại. Mục tiêu của bài viết không nhằm giải mã toàn bộ thế giới nghệ thuật thơ Nguyễn Bình Phương – một thế giới đầy phức cảm và nhiều tầng lớp ngôn ngữ mà chỉ nhằm giải mã một trong những dòng cảm xúc chủ đạo nhất: nỗi bất an trước thời cuộc, sự trăn trở của cá nhân với thời đại, nỗi trăn trở về thân phận con người trong một thực tại vừa cụ thể, vừa siêu hình. Qua đó, chúng tôi hi vọng sẽ cung cấp một cái nhìn sâu sắc hơn về một tiếng thơ quan trọng trong nền văn học đương đại Việt Nam.

## 2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Trong tiếng Việt, “*đa đoan*” thường chỉ trạng thái rối rắm, nhiều mối bận tâm, gắn với những bất trắc không dễ tháo gỡ. Khi đi cùng “*thế sự*” tức là những vấn đề thuộc về đời sống, xã hội, thời cuộc, cụm từ “*đa đoan thế sự*” hàm ý một cảm thức nặng trĩu về sự phức tạp, nhiều loạn của cuộc sống và thời đại. Đây không đơn thuần là một tình trạng xã hội cụ thể mà là một trạng thái tinh thần – nơi con người bị giằng xé giữa những đối cực: khát vọng và giới hạn, lý tưởng và hiện thực, bản ngã và cộng đồng, sự sống và cái chết.

Thơ Nguyễn Bình Phương thể hiện cảm thức đa đoan thể sự không bằng lời than vãn hay miêu tả trực tiếp thực tại, mà thông qua một hệ thống hình ảnh, biểu tượng cùng ngôn ngữ đầy ẩn dụ, đượm màu triết lý và mơ hồ. Do đó, muốn khám phá thế giới thơ của ông, người đọc không những cần đặt thơ trong bối cảnh lịch sử - xã hội, mà còn cần tìm hiểu về cấu trúc nghệ thuật đặc trưng cùng một chiều kích lịch sử - văn hóa của từng biểu tượng thơ.

### 2.1. Cảm thức hoang mang trước hiện thực.

Trong dòng chảy thơ ca Việt Nam đương đại, Nguyễn Bình Phương nổi lên như một tiếng nói độc đáo, khơi gợi những cảm xúc choáng ngợp và hoang mang tột độ. Tiếp xúc với thơ ông, độc giả không đơn thuần bước vào một thế giới hiện thực ổn định, tuân theo trật tự vốn có mà tựa như lạc vào một mê cung phức tạp, nơi thời gian bị đứt đoạn, không gian bị bóp méo, sự vật bị đảo lộn và con người bị phân mảnh thành những mảnh rời rạc. Chính ở đó, hiện thực được phơi bày một cách trần trụi, không phải là những cái quen thuộc mà là thế giới hỗn mang, phi trật tự.

Trước hết, sự hỗn loạn trong thơ Nguyễn Bình Phương được kiến tạo thông qua việc phá vỡ tính logic thông thường của sự vật. Trong bài thơ *Đọc trong ánh sáng*, những mùa vốn có trật tự tuần hoàn nhất định lại được ông “sắp đặt” một cách tùy tiện tạo ra sự xáo trộn đáng kinh ngạc “*Xếp đặt mùa đông bên trái mùa thu/ Xếp đặt mùa hè thấp thòm giữa sưng mù*”. Hành động tráo đổi trật tự này biến cuộc sống thành một ván cờ với những nước đi sai lầm, nơi mọi sự vận hành theo chiều ngược lại so với quy luật tự nhiên. Ở *Miêu tả những ngày nắng*, mọi sự vật đều bị tước bỏ đi sự logic quen thuộc. Bầu trời “*phẳng lì/không mây không gì cả*”, tường, tiếng nói, biển chỉ đường đều “*chói*” – tất cả đều phản ánh cái ngột ngạt, bức bách của cuộc sống. Đặc biệt, hình ảnh “*gương chiếu hậu quốc lên quai gờ*” cho thấy hình ảnh chiếc gương không còn là vật phản chiếu rõ ràng, trung thực như ta thường biết. Thay vì hiện lên một hình ảnh thống nhất, gương trong thơ ông đã gợi ra sự chao đảo, méo mó, mờ nhòe, thậm chí mất cả tính vững chắc vốn có. Ở đây, gương trở thành biểu tượng cho bản thể con người: cái tôi trữ tình không còn cảm thấy mình nguyên vẹn mà chỉ nhận lại những mảnh vụn rời rạc, vô định. Cùng với đó, cảnh “*những đứa bé rã rời nhìn bóng mình chạy nháy*” càng nhấn mạnh sự rời rạc giữa cái tôi và hình ảnh của nó, giữa thực thể và bóng dáng, giữa tồn tại và hư ảnh. Không gian bài thơ căng đầy những nghịch lý, đẩy cái tôi trữ tình vào trạng thái hoang mang, khủng hoảng căn tính. Hình ảnh này tiếp tục được thể hiện trong *Không phân biệt* khi nhà thơ đặt ngang hàng những “*cánh chim và cánh cửa*”, “*trời xanh mái nhựa xanh*”. Khi mọi ranh giới bị xoá nhoà một cách triệt để, hiện thực rơi vào một trạng thái lỏng trở nên khó định danh và nắm bắt. Không phải ngẫu nhiên mà nhiều bài thơ của ông tràn ngập những sắc màu bất định, không rõ ràng: “*ý nghĩ đen cạnh ý nghĩ trắng/đỏ lang thang vàng mơ mộng*”. Ý nghĩ vốn thuộc về tinh thần trừu tượng nay lại được nhuộm bằng màu sắc cụ thể, ngôn ngữ thơ vì thế không còn tách biệt từng giác quan mà hoà trộn tất cả vào nhau khiến thế giới hiện lên như một bức tranh màu sắc rối loạn, phi lý, vượt ra ngoài mọi quy tắc.

Sự hỗn loạn ấy còn được thể hiện một cách rõ nét trong nhịp sống đô thị hối hả và đầy áp lực ở bài thơ *Bâng quơ*. Dòng xe cộ hối hả lại chỉ “*chờ ngàn khoảng trống/Phóng như bay vào nỗi chán chường*”. Tốc độ vốn gắn với nhịp sống hiện đại nhưng ở đây, càng nhanh chỉ càng chờ sự vô nghĩa và trống rỗng. Đặc biệt, đến bài thơ *Buổi câu hò hững*, nhà thơ đẩy sự hỗn loạn của thực tại lên một tầng bậc sâu sắc hơn, nơi thế giới vận hành theo một logic dị thường, trong đó “*câu*” trở thành ẩn dụ xuyên suốt liên kết những đôi tượng dường như không hề tương quan “*nước câu mặt trời/mặt trời câu gió/phố câu người đời/ô/quê mùa câu phố*”. Ở đây, hiện thực được thể hiện qua một chuỗi các hình ảnh phi logic, nghịch lý, song lại mang sức ám ảnh mạnh mẽ. Từ nước, mặt trời, gió cho đến phố, người đời, quê mùa, mọi sự vật dường như được kết nối với nhau bằng một sợi dây vô hình mang tên “*câu*”. Nhà thơ dựng lên một khung cảnh mà mỗi người “*một chiếc cần câu buông lơ*” ngồi bất động giữa “*mé trận những con mồi*” biến cuộc sống thành một trò chờ đợi vô vọng. Đến *Kẻ ngoài cuộc*, thời gian vốn là trục tổ chức của cuộc sống cũng sụp đổ một cách thảm hại: “*những tích tắc cổ rướn thêm một nhịp rồi ngã vào hư*

*không*”. Như vậy, nhịp sống rộn ràng ngoài kia thực chất chỉ để phơi bày sự trống rỗng bên trong khiến thời gian mất đi ý nghĩa vốn có, chỉ còn lại sự trôi tuột vào hư vô, không để lại dấu vết.

Không chỉ không gian và thời gian bị rối loạn, ngay cả cộng đồng và kí ức cũng bị phân rã thành những mảnh vụn. Trong *Đảo*, nhà thơ mô tả một cách đầy xót xa: “*người lạc khỏi người, đảo rời ra đảo, trái tim xé khỏi lòng yêu nước*”. Hiện thực xã hội vốn là một chỉnh thể thống nhất giờ đây đã tan rã, vỡ thành những mảnh nhỏ trôi dạt, lênh đênh trên biển cả cuộc đời. Sự rạn vỡ ấy càng trở nên nặng nề khi cộng hưởng với tâm thế cô độc của cá nhân trong *Kẻ ngoài cuộc*, nơi con người đứng bên lề, bất lực trước guồng quay trống rỗng của thời gian. Không chỉ hiện tại mất đi điểm tựa mà ngay cả kí ức, vốn được xem là điểm tựa vững chắc, nơi neo giữ cũng không còn liền mạch. Trong bài thơ *Cuộc ly khai rười rượi*, kí ức hiện lên như một dòng sông bị ném đá “*mỗi điểm chạm nổ một viên trái phá*”. Quá khứ không còn nguyên vẹn mà vỡ vụn thành những mảnh kí ức rời rạc, đầy bất an và đầy ám ảnh.

## **2.2. Dự cảm về sự tha hoá, rạn vỡ của con người.**

Nếu hiện thực trong thơ Nguyễn Bình Phương là một thế giới bất ổn thì con người trong đó cũng không còn giữ được bản sắc hay sự toàn vẹn. Cái tôi trữ tình luôn hiện lên trong trạng thái phân mảnh, tự hoài nghi bản thân mình và luôn bị giằng xé bởi những suy tư về số phận.

Trong nhiều bài thơ của Nguyễn Bình Phương, chủ thể trữ tình thường rơi vào trạng thái khủng hoảng căn tính bởi cảm thức sâu sắc về sự trống rỗng và phân mảnh của bản thể. Cái “tôi” trong thơ ông nhiều khi bị mắc kẹt giữa một thế giới hỗn độn, đầy mâu thuẫn khiến con người luôn khao khát trở về bản nguyên, đồng thời không ngừng hoài nghi về bản thân mình. Bài thơ *Viết lúc chín giờ* đã thể hiện rõ điều ấy: “*Bỗng dưng ngỡ ngỡ những đường chỉ tay/Bao nhiêu uẩn khúc mình nhìn chăm chăm*” hay “*một người tình queo làm anh ngán ngảm*”. Đây là lúc cái tôi soi chiếu bản thân mình: đường chỉ tay - dấu hiệu định mệnh giờ không còn rõ ràng nữa. Còn trong *Bài thơ cũ*, những dòng thơ tựa như những nhát cắt tự soi vào quá trình trưởng thành đầy mệt mỏi của tâm hồn “*Ta sinh ra cô đơn/giờ cô đơn đã cũ/ta trưởng thành bởi sợ hãi/sợ hãi cũng cũ rồi*”. Chữ “*cũ*” ở đây không chỉ đơn thuần là sự trôi đi của thời gian mà còn là sự chai sạn, sự bão hòa đến kiệt quệ của những xúc cảm nguyên sơ nhất của con người. Cô đơn, sợ hãi vốn là những trạng thái căn bản của bản thể giờ đây không còn khơi gợi cảm xúc mà trở thành nền tảng nhảm chán của sự tồn tại. Đi kèm với đó là hình ảnh “*khuôn mặt công chức*” - biểu tượng cho sự mài mòn, cứng nhắc của con người trong guồng quay xã hội hiện đại: “*Này tôi một khuôn mặt công chức/đứng nhìn/những cuộc họp rạc ròi/tiêu ma bao ý tưởng*”. Trong thế giới thơ Nguyễn Bình Phương, chủ thể trữ tình không chỉ đối diện với những vấn đề về sự tồn tại hữu hình mà còn trải nghiệm sự tha hoá bản thân trong cuộc sống thường nhật. Sự “*tiêu ma*” của những “*ý tưởng*” là biểu hiện của sự bất lực, sự chán chường khi cá nhân không thể duy trì được sự kiên định của mình. Tâm hồn dần trở nên mệt mỏi, rã rời: “*bệnh hoạn*”

*cũng cũ rồi*". Hình ảnh "*khuôn mặt công chức*" ở đây biểu trưng cho một cá thể đang bị cuốn vào guồng quay cuộc sống hiện đại, nơi mà sự sáng tạo và cảm xúc bị mài mòn dần bởi sự lặp lại của "*các cuộc họp rác rùi*". Sự phản tỉnh ở đây chính là sự nhận thức về quá trình tha hóa, khi con người đánh mất chính mình trong những hoạt động vô nghĩa. Đây là lời thú nhận đầy đau đớn về sự đánh mất bản ngã, sự tan biến của khát vọng và niềm tin trong thế giới thực tại. Niềm tin vào vẻ đẹp cuộc sống cũng trở nên mong manh, hư ảo. Trong *Bài thơ cũ*, ông viết: "*Số mệnh già như trời/lọm khọm đi giữa công viên đầy nắng/nắng có gì hay hóm nữa đâu*". Đó là sự hoài nghi và bi quan khi ánh sáng vốn là biểu tượng của sự sống và hy vọng lại trở nên vô nghĩa trước sự chán chường của con người. Hành trình sống vốn được xem là một cuộc kiếm tìm ý nghĩa lại trở thành sự xói mòn của những ảo vọng: "*ta lớn lên bằng kiếm tìm/kiếm tìm giờ đã cũ*". Sự thức tỉnh này không chỉ dừng lại ở việc nghi ngờ quá khứ hay cuộc sống hàng ngày mà còn mở rộng đến bản chất của sự trưởng thành. Trong *Con đường bí mật*, Nguyễn Bình Phương đã viết: "*Tôi lớn dần lên trong những cơn chóng mặt/Phố phường cũng lớn dần lên*". Sự trưởng thành diễn ra trong trạng thái "*chóng mặt*", một trạng thái của sự choáng váng, bất ổn phản ánh một cái nhìn hoài nghi về sự phát triển của cá nhân và xã hội. Con người không thực sự trưởng thành theo một ý nghĩa sâu sắc mà chỉ đơn thuần là bị cuốn trôi theo dòng chảy của thời gian. Trong bài thơ *Xe máy*, chủ thể trữ tình dường như bị hòa tan vào chính vận tốc và nhịp sống hiện đại: "*Vít tay ga phóng vượt qua nước mắt/ Sang bên kia bầu trời/ Chạm vào thời tiết và tan biến*". Ở đây, thơ không chỉ đặt ra câu hỏi về sự tồn tại hữu hình của con người mà còn là về sự đánh mất bản thân trong cuộc sống thường nhật. Con người ở đây không còn là chủ thể trung tâm mà như một điểm mờ trong dòng chảy vô định của cuộc sống. Việc "*vượt qua nước mắt*" và "*tan biến*" là biểu hiện trực tiếp cho việc tan rã của bản ngã, cho ý thức con người lạc lối trước thời gian và dòng chảy xã hội. Ngay cả trong mơ, không gian cuối cùng của hi vọng và sự cứu rỗi cũng chứa đựng nỗi tuyệt vọng. "*Tôi vẫn ôm gối ngủ/Mơ tiếp thế cờ tàn con mã quỳ đợi chủ*". Giấc mơ không phải là một nơi tái sinh mà là sự tiếp nối của sự bế tắc. Hình ảnh "*con mã quỳ*" thể hiện sự chờ đợi vô vọng, một thân phận thụ động trong một thế cờ đã tàn phản ánh sâu sắc trạng thái tinh thần bị giam cầm của cái tôi. Từ cuộc đối thoại nội tâm ấy, ta thấy thơ Nguyễn Bình Phương vượt khỏi phạm vi chiêm nghiệm thông thường. Đó là quá trình phản tỉnh sâu sắc về cuộc sống con người đương đại - khi bản thể đã đánh mất chính mình giữa dòng xoáy lịch sử, xã hội và cảm xúc. Cái tôi trong thơ ông là cái tôi hoang mang, hoài nghi, luôn tự vấn. Có thể nói, nhờ tiếng nói tự vấn và khả năng nhìn đời bằng con mắt chiêm nghiệm, thơ Nguyễn Bình Phương không chỉ tái hiện hiện thực mà còn phơi bày những mâu thuẫn, khủng hoảng tinh thần của con người ngày nay. Chính chiều sâu phản tỉnh ấy đã tạo nên dấu ấn riêng biệt cho thơ ông.

Trong một số bài thơ, cái chết luôn hiện diện như một nỗi ám ảnh thường trực. Nó không chỉ là điểm kết thúc của kiếp người hữu hạn mà còn trở thành cơ sở để con người suy ngẫm, soi chiếu lại chính bản thân mình. Nếu như nhiều nhà thơ truyền thống thể hiện cái chết bằng những lời than vãn, sự tiếc nuối hoặc ước vọng siêu thoát thì trong thơ

Nguyễn Bình Phương cái chết lại hiện lên đầy khác biệt. Ông viết về cái chết như một quy luật tự nhiên của cuộc sống, không hề bi lụy, không khoa trương mà là cơ hội để phản tỉnh về đời sống, về sự vô thường và cả thân phận con người. Thơ của ông là hành trình lặng lẽ bước qua lần ranh giới giữa sự sống và cái chết để tìm lại bản ngã. Vì vậy, việc chiêm nghiệm cái chết trong thơ ông cũng là một hình thức suy ngẫm sâu sắc về chính cuộc sống hiện tại. Trong thơ Nguyễn Bình Phương, cái chết không xuất hiện như một tấn bi kịch mà diễn ra một cách âm thầm, mơ hồ, mang dáng vẻ của sự tan biến nhẹ nhàng giữa dòng đời. Ông không diễn tả cái chết bằng giọng điệu bi ai, sầu thảm mà thay vào đó cái chết hiện diện như một phần hành trình tồn tại, như một khoảnh khắc con người rời đi, bỏ lại tất cả phía sau trong một trạng thái tĩnh lặng đến lạ thường. Trong *Nhẹ*, hình ảnh cái chết hiện lên như sự chuyên hóa đầy tĩnh tại: “*Chết làm ngôi sao đen Nằm trên giường bình nhiên bí ẩn/Chết không thở cùng hoa/Thở cùng người đàn bà xa lạ... Chết nở một nụ cười sáng nhẹ/ Chẳng vĩnh biệt em chẳng tiễn biệt ai*”. Cái chết theo Nguyễn Bình Phương không cần tiễn đưa, không cần khóc than, nó đơn giản chỉ là “*nụ cười sáng nhẹ*”, là một chuyển động nhỏ trong không gian vô cùng của tồn tại. Việc chiêm nghiệm về cái chết trong thơ Nguyễn Bình Phương không đơn thuần là sự mộng tưởng siêu hình mà còn là một hình thức sâu sắc của sự phản tỉnh về cuộc sống. Cái chết trong thơ ông không tách rời khỏi cuộc sống mà chính là tấm gương để soi chiếu lại nó. Khi con người suy nghĩ về cái chết, họ buộc phải đối diện với giới hạn của bản thân, với sự hữu hạn của thời gian, từ đó nảy sinh nhu cầu sống chân thật, sống sâu sắc và sống có ý nghĩa hơn. Tĩnh vô thường trong thơ ông thấm đẫm vào từng câu chữ, không chỉ qua hình ảnh cái chết mà còn qua cảm nhận về sự trôi đi, biến mất, mờ nhòe. Trong bài *Người*, sự ra đi của người thân yêu được miêu tả như một sự tan biến trong sương mỏng “*Người đi nhẹ bỏ ta đi êm ru/ Mang theo bí mật ngàn năm hơi thở nhẹ*”. Từng chuyển động của cái chết đều thấm đẫm tinh thần buông bỏ, không níu kéo như thể nhà thơ đã chạm tay vào một cõi vô hình, nơi mọi thứ đều được gột rửa khỏi những vương bận trần thế. Cái chết không gào thét mà trầm mặc, không đau đớn mà an nhiên. Tuy nhiên, không phải cái chết nào thơ Nguyễn Bình Phương cũng mang dáng dấp siêu thoát. Vẫn có những cái chết vô danh, ẩn chứa nỗi u uất, được khắc họa trong bối cảnh của thời đại, những cuộc chiến tranh và mất mát không thể bù đắp. Ta bắt gặp trong *Tiếng rền*, một cái chết bình dị mà ám ảnh: “*Chết trong nòng súng cỏ/ Một đứa trẻ nhoèn cười/ Một ngón tay tái ngắt/Ngả lên bóng người tình*”. Hình ảnh này gợi mở về một cái chết không hề hào hùng cũng chẳng hề bi tráng mà thay vào đó là những cảm xúc day dứt và sự trần trụi đến xót xa hòa quyện giữa thiên nhiên và con người, giữa sự mong manh của sinh mệnh và sự bình thản vốn có của tự nhiên. Nguyễn Bình Phương đã đưa cái chết trở về với cuộc sống, xóa nhòa ranh giới giữa những điều cao cả và nhỏ bé. Không chỉ dừng lại ở đó, cái chết trong thơ ông còn được hình tượng hóa như một hành trình, một cuộc sang sông kì ảo. Bài thơ *Người chèo đò lạnh* hiện lên như một khúc ca dành cho người đưa linh hồn sang thế giới bên kia với con đò được tạo nên từ giấc mơ, trôi một cách lặng lẽ qua phố phường, hồ nước và những kí ức đã qua: “*Tôi là người chèo đò người chèo đò cuối cùng trên phố/ em nhớ cho tôi là người chèo đò không*

*kí ức*”. Câu thơ tựa như lời nhắn nhủ đầy ám ảnh: Cái chết không phải là một khoảnh khắc đứt gãy mà diễn ra một cách từ từ, chậm rãi, hòa lẫn vào dòng chảy của cuộc đời cùng với sự lãng quên và những điều mơ hồ. Nguyễn Bình hương viết về cái chết như thể ông đang kể về một giấc mộng, nơi người sống và người đã khuất không hề cách biệt. Sự sống không đối lập với cái chết mà chỉ là hai biểu hiện khác nhau của một thực thể vô thường. Tương tự trong bài thơ *Ở nơi không có cánh*, ông vẽ nên một thế giới “âm” nơi “*biển không nổi sóng mây không bay nhưng lá thì tươi thắm*”, nơi mỗi cá nhân là “*mơ ước của chính mình*”. Ở đó, cái chết không mang một gam màu tiêu cực mà là một trạng thái khác của sự tồn tại, một nơi mà con người có thể “*trở thành*” đúng với những khát vọng thầm kín nhất của họ, dù phải đánh đổi tất cả. Bằng cách đưa cái chết trở thành đối tượng chiêm nghiệm theo nhiều tầng nghĩa, cái chết không đơn thuần khắc họa điểm kết thúc mà còn nói về một cuộc trở lại của suy tư, của cái nhìn phản tỉnh. Cái chết không làm thơ ông trở nên bi lụy mà lại làm giàu thêm giá trị nhân văn và triết lý hơn. Từ cái chết ông khơi dậy sự sống - một cách sống thâm lặng, sâu sắc và đầy ý nghĩa. Và cũng chính từ cái chết, độc giả được thôi thúc tự vấn về bản thân: ta đang sống như thế nào và liệu ta đã sống có ý nghĩa với một cuộc sống quá đổi ngắn ngủi, mong manh? Nhờ cách tiếp cận mới mẻ và giàu tính nhân văn, Nguyễn Bình Phương đã biến cái chết trở thành một không gian thơ lặng lẽ để con người đối mặt với chính mình. Chiêm nghiệm về cái chết không phải là khúc ca bi ai mà là ánh sáng soi rọi cuộc đời, là sự thức tỉnh, là phương thức để con người tìm về bản chất mong manh nhưng cũng đầy ý nghĩa của kiếp nhân sinh. Cái chết không còn là vực thẳm mà trở thành tấm gương phản chiếu giúp con người nhận diện và trân trọng từng khoảnh khắc sống. Qua đó, Nguyễn Bình Phương gửi gắm thông điệp về sự cần thiết của việc sống có ý thức, sống trọn vẹn với những giá trị đích thực của đời người.

### **2.3. Nghệ thuật thể hiện những đa đoan thế sự trong thơ Nguyễn Bình Phương**

Nguyễn Bình Phương sử dụng thơ ca như lăng kính phản ánh “đa đoan thế sự”. Nghệ thuật trở thành công cụ sắc bén giúp nhà thơ khắc họa và diễn đạt sự phức tạp ấy. Phân tích cấu trúc ngôn ngữ, nhịp điệu độc đáo và các thủ pháp biểu hiện đặc sắc ta nhận diện được một cách rõ ràng cách nhà thơ kiến tạo nên một thế giới nghệ thuật đầy ám ảnh, vừa quen thuộc lại vừa xa lạ.

Trước hết, ngôn ngữ thơ của Nguyễn Bình Phương luôn chứa đựng sự đa nghĩa và giàu tính biểu tượng. Tính đa nghĩa của ngôn ngữ cũng được thể hiện rõ nét trong bài thơ *Con đường bí mật*. Ở câu thơ “*Gió không mang đến hương thơm của nắng/Mà mang đến một ánh trăng*”, ta thấy theo lẽ thường, gió thường mang theo hương hoa, mùi vị của thiên nhiên nhưng ở đây nó lại mang đến “ánh trăng” – một sự tráo đổi cảm quan đầy bất ngờ. Như vậy, trăng được đặt vào vị trí của hương, của mùi, tức là trăng trở thành một thứ có thể chạm tới, có thể cảm nhận bằng khứu giác. Sự hoán đổi này biến trăng thành

một biểu tượng đa nghĩa, vừa là ánh sáng, vừa là hương vị, vừa là sự bù đắp cho những thiếu thốn trong đời sống tinh thần. Những hình ảnh bất ngờ, đôi khi phi lý thường xuyên xuất hiện trong thơ ông thúc đẩy người đọc không ngừng liên tưởng và suy ngẫm. Trong tác phẩm *Bâng quơ*, ông viết: “Ngàn xe máy chở ngàn khoảng trống/ Phóng như bay vào nỗi chán chường”. Chỉ bằng một hình ảnh rất đời thường - những chiếc xe máy trên đường phố, nhà thơ đã biến nó thành một biểu tượng sâu sắc của sự trống trải. Từ “khoảng trống” không chỉ khơi gợi nỗi cô đơn riêng tư của cá nhân mà còn mở rộng thành một cảm thức xã hội. Chính sự mơ hồ này đã tạo ra nhiều lớp nghĩa khác nhau, phơi bày cái “đa đoan” của hiện thực cuộc sống.

Thứ hai, nhịp điệu thơ của Nguyễn Bình Phương thường đứt gãy và phi tuyến tính, góp phần quan trọng trong việc khắc họa sự bất ổn. Không tuân thủ những quy tắc vần luật cổ điển, ông viết theo dòng chảy của ý thức khiến cho nhịp thơ lúc thì dồn dập, lúc lại đứt gãy một cách bất ngờ. Trong *Bài thơ cũ*, ông lặp đi lặp lại cấu trúc “cũng cũ rồi”: *Ta sinh ra cô đơn/giờ cô đơn đã cũ/ta trưởng thành bởi sợ hãi/sợ hãi cũng cũ rồi*. Nhịp điệu lặp đi lặp lại và ngắt quãng ấy khiến cho người đọc cảm nhận được một sự mệt mỏi, một vòng xoáy luẩn quẩn không lối thoát, phản ánh đúng trạng thái đa đoan của kiếp người. Tương tự, trong bài *Cuộc ly khai rười rượi*, ông viết: “Đi để sửa sang ký ức/như tấm gương sửa lại căn phòng/nhảy cách quãng qua những mùa hư hỏng/như sỏi thia lia trên mặt sông/mỗi điểm chạm nổ một viên trái phá”. Các hình ảnh và nhịp thơ ở đây không đi theo sự liền mạch mà lại nhảy vọt tạo cảm giác đứt đoạn, rời rạc, bất ổn như chính tâm trạng nhân vật trữ tình. Hay trong *Thợ mộc*, chuỗi hình ảnh liên tục thay đổi: “đóng tủ nhan sắc”, “đóng quan tài cho cầu vòng mới tắt”, “nhận đóng khung kẻ nghiệm bầu trời” khiến câu thơ liên tục bị đẩy ra ngoài quỹ đạo ổn định. Chính nhịp điệu phi tuyến đã góp phần thể hiện cái hỗn độn, bất nháo của đời sống, đồng thời bộc lộ một cảm quan hiện sinh đầy bất an, chao đảo trong thơ Nguyễn Bình Phương.

Thứ ba, thủ pháp huyền ảo và siêu thực là một đặc điểm nổi bật trong phong cách thơ của Nguyễn Bình Phương. Ông thường xuyên để cho thế giới mộng và thực đan xen lẫn nhau tạo ra những cảnh tượng phi lý nhưng lại vô cùng ám ảnh. Trong *Biền biệt*, ông viết: “Ngửa mặt nhìn ngôi sao chết trắng/Mùi cây khô/Vàng vát/Cồn cào”. Hình ảnh “ngôi sao chết trắng” vừa là một biểu tượng của vũ trụ lạnh lẽo, vừa phản chiếu sự trống rỗng trong tâm hồn con người. Bằng liên tưởng độc đáo này, nhà thơ cho rằng thế sự luôn bị bao phủ bởi những tầng nghĩa siêu hình khó nắm bắt. Ở bài thơ *Gõ cửa những bông hoa*, từ một hành động gõ cửa “*hương hoa hồng tại sao không có bóng?*” đã biến thành một câu hỏi siêu thực và câu trả lời lại càng huyền hoặc “*Không có nó vì em gõ cửa*”. Ở đây, đời sống thường nhật dường như được bao phủ một lớp sương mộng, mọi sự vật đều có khả năng biến đổi, đảo lộn quy luật thông thường. Tương tự, trong *Trò thiêng*, cũng từ

hình ảnh “*một sợi tóc trải ngang trên mặt giấy*”, nhà thơ đã mở ra cả một không gian kỳ ảo “*vàng trắng xòe lửa vỡ*”, “*bầy nghệ đá cười xô vào dĩ vãng*”. Những liên tưởng bất ngờ, hình ảnh dị thường tạo dựng cảm quan siêu thực, khiến bài thơ như một cuộc triệu hồi vô thức. Sự giao thoa giữa thực tại và ảo ảnh, giữa hữu hình và vô hình đã kiến tạo bản sắc độc đáo cho thơ Nguyễn Bình Phương.

Cuối cùng, chính nhờ sự mơ hồ và đa nghĩa trong nghệ thuật đã tạo ra cái “đa đoan” ngay cả trong quá trình tiếp nhận. Người đọc không thể dễ dàng nắm bắt một cách hiểu duy nhất mà buộc phải tham gia vào quá trình đồng sáng tạo để khám phá những tầng ý nghĩa sâu xa. Thơ của Nguyễn Bình Phương vì thế trở thành một “mê cung ngôn từ”, nơi sự rối ren của thế sự vang vọng trong chính sự phức tạp của ngôn ngữ. Trong tác phẩm *Bài thơ năm khổ*, những hình ảnh “*bức tường hoa sứ*”, “*áo nâu*”, “*quạ vàng*” xuất hiện rời rạc, không theo trật tự nhất định, mở ra vô vàn cách lý giải khác nhau, vừa mang tính hoài niệm, vừa ẩn chứa yếu tố siêu thực đầy ám ảnh. Tương tự, ở *Con đường bí mật*, hình ảnh “*cây lộc vừng đắm vào bóng mình quên hết mọi con đường*” cũng mang đến sự mơ hồ, có thể gợi nhắc về một tình yêu dang dở hoặc ẩn dụ cho những mất mát trong cuộc đời.

Thông qua những thủ pháp nghệ thuật độc đáo, Nguyễn Bình Phương đã dựng lên một hiện thực mà trong đó trật tự quen thuộc bị phá vỡ tận gốc. Thế giới của ông không vận hành theo những quy luật thông thường mà liên tục chao đảo, chông chéo, phân mảnh thành những mảnh ghép không hoàn chỉnh. Ngôn ngữ thơ cũng đi theo hướng đó: khi thì kéo các giác quan nhập nhằng với nhau “*Tiếng nói em màu lam chuyển dần sang màu lục*” trong *Em và hoa*, khi thì bẻ cong cú pháp để sự vật thay đổi vai trò “*nước câu mặt trời/mặt trời câu gió/phố câu người đời*” trong *Buổi chiều câu hò hững*. Tất cả tạo nên một mỹ học hỗn loạn, nơi ngôn ngữ trở thành trò giết dây, cuộc sống trở thành một sân khấu rối và con người chỉ còn lại sự hoang mang tột độ. Có thể thấy, thơ Nguyễn Bình Phương không lộn xộn để gây ấn tượng một cách hời hợt mà lộn xộn để phản ánh một cách trung thực trạng thái của đời sống hiện đại. Khi thế giới đầy tốc độ nhưng lại chuyên chờ khoảng trống, khi kí ức đã vỡ vụn thành từng mảnh, khi cộng đồng bị xé lẻ thành những cá thể cô độc thì chỉ một cấu trúc hỗn loạn mới đủ sức phản ánh sự thật trần trụi ấy. Bằng việc tháo dỡ những khung trật tự quen thuộc, Nguyễn Bình Phương đã dựng nên một hiện thực thi ca vừa phi lý, vừa ám gợi khiến độc giả nhận ra chính cảm giác bất an, rạn vỡ mà họ đang trải qua trong thời đại của mình.

### 3. KẾT LUẬN

Trong suốt quá trình kiến tạo văn chương của mình, Nguyễn Bình Phương không ngừng trăn trở, suy tư về những vấn đề nhân sinh, lịch sử và thời đại thể hiện qua một giọng thơ đặc trưng, giàu ám ảnh và chiều sâu nội tâm phong phú. Những đa đoan thể sự

trong thơ ông không chỉ đơn thuần là những nỗi niềm cá nhân trước những biến động không ngừng của cuộc sống mà còn là một sự phản tỉnh sâu sắc mang đậm tính triết lý về sự bất định của con người trong một thế giới hỗn loạn và phức tạp. Hiện thực trong thơ ông không được trình bày một cách trực diện, rõ ràng mà được khúc xạ qua lăng kính hoài nghi, mơ hồ và nhiều tầng biểu tượng. Trong không gian ấy, con người hiện lên như một thực thể cô đơn, lạc lõng, dễ bị tổn thương, luôn mang trong mình những trần trụi, khắc khoải về sự tha hoá, mất mát và không ngừng tìm kiếm bản ngã.

Bài viết đi sâu vào phân tích các biểu hiện nổi bật của cảm thức đa đoan thế sự trong thơ Nguyễn Bình Phương. Thứ nhất, đó là cảm thức hoang mang trước hiện thực thời đại. Thứ hai là dự cảm về sự tha hoá, rạn vỡ của con người. Thứ ba, chúng tôi tìm hiểu nghệ thuật thể hiện những đa đoan thế sự trong thơ Nguyễn Bình Phương. Từ những phân tích này có thể thấy rằng thơ Nguyễn Bình Phương không hướng đến phản ánh hiện thực một cách khách quan như một tấm gương mà là sự tái tạo một thực tại đã bị biến dạng, nhào nặn qua lăng kính chủ quan của tâm thức. Đời sống thế sự trong thơ ông không được thể hiện một cách trực tiếp mà được gửi gắm, ẩn chứa trong các lớp vỏ ngôn ngữ, hình tượng và giọng điệu giàu sức gợi. Tìm hiểu những đa đoan thế sự trong thơ Nguyễn Bình Phương nhằm làm rõ một khía cạnh đặc sắc nhưng chưa được quan tâm đúng mức trong thơ Nguyễn Bình Phương, đó là cảm thức về nhân sinh dưới cái nhìn đa chiều. Qua đó, bài viết góp phần làm sáng tỏ hơn tinh thần nhân văn sâu sắc và giá trị tư tưởng độc đáo của thơ Nguyễn Bình Phương, đồng thời gợi mở những suy ngẫm sâu sắc của người đọc về chính thời đại mà ta đang sống. Đó là một thời đại của những biến động không ngừng, những nhiễu loạn khó lường nhưng đồng thời cũng chứa đựng đầy những cơ hội để con người nhìn lại chính mình, tự vấn bản thân và sống một cuộc đời sâu sắc, ý nghĩa hơn.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Việt Chiến (2007), *Thơ Việt Nam - tìm tòi và cách tân, 1975 - 2005*, NXB Hội Nhà văn.
2. Nguyễn Đăng Điệp (2008), *Những chuyển động của thơ Việt Nam đương đại*, NXB Văn học.
3. Nguyễn Lai (1991), *Ngôn ngữ và sáng tạo văn học*, NXB Khoa học và Xã hội.
4. Dương Kiều Minh (2009), *Thi ca và cuộc kiếm tìm có tên Nguyễn Bình Phương*, đăng trên báo Công an nhân dân 12/2009.
5. Nguyễn Bình Phương (1992), *Lam chương*, NXB Văn học.
6. Nguyễn Bình Phương (1997), *Xa thân*, NXB Hà Nội.
7. Nguyễn Bình Phương (2001), *Từ chết sang trời biếc*, NXB Hội Nhà văn.
8. Nguyễn Bình Phương (2004), *Thơ Nguyễn Bình Phương*, NXB Văn học.

9. Nguyễn Bình Phương (2011), *Buổi câu hò hững*, NXB Văn học.
10. Nguyễn Bình Phương (2014), *Tuyển thơ Xa xăm gõ cửa*, NXB Văn học
11. Lê Hồ Quang (2015), *Âm thanh của tưởng tượng*, NXB đại học Vinh.

## THE ENTANGLEMENTS OF WORLDLY AFFAIRS IN THE POETRY OF NGUYEN BINH PHUONG

*Nguyen Thi Nhi*

**Abstract:** *Nguyen Binh Phuong is one of the representative figures of contemporary Vietnamese literature. His poetry has a mysterious and elusive beauty but also contains the depth of human life. One of the outstanding features in his works is his view of "multifaceted world affairs". The inspiration of world affairs in his poetry does not stop at reflecting reality but also reaches out to a broad picture of human affairs with many interwoven light and dark aspects. Approaching Nguyen Binh Phuong's poetry, readers not only face the paradoxes and instability of the times but also listen to the deep echoes of human fate before the flow of history. It is this multifaceted view that has created a mark of multifaceted world affairs in his poetry. A world that is both real and unreal, and evokes deep thoughts in the hearts of readers.*

**Keywords:** *Nguyen Binh Phuong, contemporary poetry, worldly affairs*

*(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 16-9-2025; ngày phản biện đánh giá: 08-10-2025; ngày chấp nhận đăng: 30-10-2025)*